

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Tây Sơn, ngày tháng năm 2023

V/v xin ý kiến đồ án Điều chỉnh  
Quy hoạch chung xây dựng xã  
Bình Nghi đến năm 2030

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bình Định

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn tỉnh Bình Định đến năm 2035; Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Hướng dẫn số 38/HD-SXD ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Sở Xây dựng tỉnh về việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị,

quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân huyện Tây Sơn kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh xem xét cho ý kiến về đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Nghi đến năm 2030, với những nội dung sau (kèm theo bản vẽ và thuyết minh quy hoạch):

**1. Tên đề án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Nghi đến năm 2030.

## **2. Địa điểm, quy mô ranh giới**

**2.1. Phạm vi ranh giới:** Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của xã Bình Nghi, có giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: Xã Bình Hòa và Tây Bình, huyện Tây Sơn.
- + Phía Nam giáp: Xã Canh Liên, huyện Vân Canh.
- + Phía Đông giáp: Xã Nhơn Phúc, Nhơn Lộc, Nhơn Tân; thị xã An Nhơn.
- + Phía Tây giáp: Xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn.

**2.2. Quy mô điều chỉnh quy hoạch:** 4.953,28 ha.

## **3. Dự báo về quy mô dân số**

Quy mô dân số hiện trạng khoảng 13.217 người. Dự báo đến năm 2030: khoảng 14.142 người.

## **4. Các chỉ tiêu xây dựng**

### **4.1. Chỉ tiêu đất xây dựng**

- Đất ở tại các khu dân cư mới: 28 - 45m<sup>2</sup>/người.
- Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.
- Đất cây xanh, thể dục thể thao tối thiểu: 2m<sup>2</sup>/người; đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn mới đạt tối thiểu 4m<sup>2</sup>/người.
- Đất giao thông đối ngoại: Theo quy hoạch của huyện và tỉnh.

### **4.2. Các chỉ tiêu kiến trúc:**

- Nhà ở trong các thôn làng tầng cao từ 1 - 3 tầng.
- Nhà chia lô mặt đường và khu trung tâm tầng cao từ 1 - 5 tầng.
- Các công trình văn hóa, giáo dục tầng cao từ 1 - 3 tầng.
- Các công trình hành chính và các công trình công cộng khác tầng cao từ 1 - 3 tầng.
- Các công trình thương mại, dịch vụ tầng cao từ 1-8 tầng.

## **5. Nội dung điều chỉnh phát triển không gian xã**

### **5.1. Khu trung tâm xã**

- Khu trung tâm xã: Điều chỉnh diện tích khu vực trung tâm xã từ 65ha

thành 352ha. Bao gồm khu vực trung tâm xã Bình Nghi hiện hữu mở rộng về phía Đông dọc theo Quốc lộ 19 thuộc các thôn 1, thôn 2, thôn Lai Nghi; thuộc quy hoạch phân khu đô thị Phú An. Chức năng là khu trung tâm hành chính công cộng, thương mại - dịch vụ; tập trung các công trình trụ sở cơ quan hành chính công cộng của xã: Trụ sở UBND và HĐND xã, trụ sở công an xã, các công trình dịch vụ công cộng hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa,...), cây xanh, khu TĐTT,...; các khu thương mại - dịch vụ như nhà hàng, dịch vụ tài chính, trung tâm thương mại, vui chơi giải trí,...

- Trong giai đoạn quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh và xây dựng mới các công trình hạ tầng xã hội cấp xã sau:

Stt	Công trình	Quy mô (m <sup>2</sup> )		Nội dung quy hoạch
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
1	Trụ sở HĐND và UBND xã (phường) mới	4.941,2	12.891,0	Xây dựng vị trí mới (theo QHPK KĐT Phú An)
2	Buru điện xã	712,8	240,0	Điều chỉnh diện tích theo lộ giới quy hoạch QL19
3	Trạm y tế xã	1.361,2	2.699,0	Xây dựng vị trí mới (theo QHPK KĐT Phú An)
4	Nhà văn hóa xã	7.481,3	7.481,3	Giữ nguyên hiện trạng
5	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tổng hợp, thôn 2	5.255,0	5.184,0	Điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
6	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tổng hợp, thôn Thủ Thiện Thượng	3.589,6	3.321,0	Điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
7	Hợp tác xã nông nghiệp Bình Nghi, thôn Thủ Thiện Hạ	5.688,9	6.849,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
8	Sân vận động xã	14.187,0	12.167,0	Điều chỉnh giảm diện tích để bố trí sân thể thao thôn Thủ Thiện Thượng
9	Chợ (mới)	0	14.906	Bổ sung mới
10	Trường Tiểu học số 1 Bình Nghi (khu vực thôn Lai Nghi)	12.089,6	14.591,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
11	Trường Tiểu học số 1 Bình Nghi (khu vực thôn Thủ Thiện Thượng)	5.147,3	5.884,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch.
12	Trường Tiểu học số 2 Bình Nghi (khu vực thôn Thủ Thiện Hạ)	16.236,4	26.172,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch

13	Trường Tiểu học số 2 Bình Nghi (khu vực thôn 4)	9.100,0	2.832,0	Điều chỉnh diện tích
14	Trường THCS Bình Nghi	13.848,6	17.511,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
15	Nhà máy cấp nước sạch Bình Nghi	0	9.869,0	Xây dựng mới
16	Hệ thống các công viên đô thị	0	30.966,0	Xây dựng mới
17	Khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	0	20.303,0	Xây dựng mới
18	Trung tâm thương mại xã Bình Nghi	0	5.800,0	Xây dựng mới (theo QHPK KĐT Phú An)

### 5.2. Khu vực phát triển dân cư nông thôn

- Khu dân cư nông thôn: Bao gồm các khu dân cư hiện hữu tập trung ở các thôn Thủ Thiện Thượng, thôn Thủ Thiện Hạ, thôn 3, thôn 4. Quy hoạch lấp đầy và bố trí thêm quỹ đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 56ha, bao gồm: Thôn Thủ Thiện Thượng khoảng 10,5ha, thôn Thủ Thiện Hạ khoảng 9,7ha, thôn 3 khoảng 32,3ha, thôn 4 khoảng 3,5ha.

- Trong giai đoạn quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh và xây dựng mới các công trình hạ tầng xã hội cấp thôn sau:

Stt	Công trình	Quy mô (m <sup>2</sup> )		Nội dung quy hoạch
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
1	Nhà văn hóa thôn 1	8.234,5	4.456,0	Điều chỉnh giảm diện tích để mở rộng đường giao thông
2	Sân thể thao thôn 1	0	5.899,0	Xây dựng mới
3	Điểm trường mẫu giáo thôn 1	1.194,0	1.456,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
4	Nhà văn hóa thôn Lai Nghi	1.723,0	1.985,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
5	Nhà văn hóa thôn Thủ Thiện Thượng	1.136,0	974,0	Điều chỉnh giảm diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
6	Nhà văn hóa thôn Thủ Thiện Hạ	4.737,2	2.943,0	Điều chỉnh giảm diện tích để bố trí sân thể thao thôn
7	Điểm trường mẫu giáo thôn Thủ Thiện Hạ	1.474,0	3.643,0	Mở rộng và điều chỉnh diện tích theo lộ giới đường quy hoạch
8	Nhà văn hóa thôn 4	1.277,5	1.031,0	Điều chỉnh giảm diện tích theo lộ giới đường quy hoạch.

9	Sân thể thao thôn 4	0	4.519,0	Xây dựng mới.
10	Chợ thôn 4	0	2.875,0	Xây dựng mới.

### **5.3. Tổ chức sản xuất**

#### **5.3.1. Khu vực phát triển công nghiệp:**

- Khu vực phát triển công nghiệp nằm ở phía Nam Quốc lộ 19, dọc theo tuyến tránh Quốc lộ 19.

- Cập nhật, bổ sung các cụm công nghiệp, khu công nghiệp đã thực hiện quy hoạch xây dựng, gồm: Cụm công nghiệp Cầu Nước Xanh; cụm công nghiệp Hóc Bọm (dự kiến mở rộng thêm 37ha); cụm công nghiệp Bình Nghi (mở rộng 50ha); khu công nghiệp Bình Nghi.

- Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp trong giai đoạn dài hạn xung quanh các cụm công nghiệp và khu công nghiệp hiện hữu.

5.3.2. Khu vực phát triển du lịch: Quy hoạch khu vực di tích tháp Thủ Thiện và khu vực bảo vệ di tích với tổng diện tích khoảng 1ha.

5.3.3. Khu vực phát triển nông nghiệp: Cập nhật đề án phát triển nông nghiệp huyện Tây Sơn đến năm 2035, theo đó quy hoạch các khu vực phát triển nông nghiệp như sau:

- Khu vực chuyên trồng lúa nước, lúa chất lượng cao được trồng tập trung ở khu vực phía Bắc và phía Đông xã thuộc các thôn 1, thôn Lai Nghi, thôn Thủ Thiện Thượng, thôn Thủ Thiện Hạ và thôn 3.

- Khu vực trồng cây hàng năm khác (các loại hoa màu: rau, lạc, đậu các loại,...) trồng tập trung chủ yếu ở phía Đông Bắc xã, thuộc các thôn Thủ Thiện Thượng, Thủ Thiện Hạ và thôn 3.

- Khu vực trồng cây lâu năm trồng tập trung tại các khu vực gò hoặc sườn núi, chủ yếu tại thôn 4.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp tập trung chủ yếu tại khu vực núi An Tượng phía Nam xã bao gồm: Đất rừng phòng hộ khu vực hồ Thủ Thiện và đất trồng rừng sản xuất.

- Khu vực phát triển nông nghiệp khác, bao gồm: Các khu vực trồng cây dược liệu tập trung tại các thôn Thủ Thiện Thượng và Thủ Thiện Hạ; trang trại trồng trọt tại khu vực thượng lưu suối Nước Xanh, thôn 1.

- Khu vực điếm chăn nuôi tập trung được quy hoạch phía Nam của Khu công nghiệp Bình Nghi.

#### **5.3.4. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:**

Quy hoạch Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại thôn 2, bố trí dọc theo tuyến đường huyện; với quy mô diện tích đất quy hoạch khoảng 2,0ha.

Khu vực quy hoạch phát triển ưu tiên về: Thương mại (chuyên doanh bán

buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường).

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường**

### **6.1. Quy hoạch giao thông**

#### **6.1.1. Các trục chính xã**

- Trục chính Đông - Tây, gồm 3 trục chính của tỉnh là: Quốc lộ 19, tuyến tránh QL19 và tuyến đường tỉnh ĐT.636; cập nhật quy hoạch như sau:

+ Quốc lộ 19: Lộ giới quy hoạch 45m (đã bao gồm đường gom và hành lang an toàn đường bộ).

+ Tuyến đường tránh QL19: Lộ giới quy hoạch 45m (đã bao gồm đường gom và hành lang an toàn đường bộ).

+ Tuyến đường tỉnh ĐT.636, lộ giới quy hoạch 30m.

- Trục chính Bắc - Nam, gồm 3 trục là: Tuyến đường kết nối tuyến tránh QL19 với đường ĐT.636 qua cụm công nghiệp Hóc Bơm, tuyến đường huyện kết nối tuyến tránh QL19 đi xã Tây Bình và tuyến đường huyện phía Đông kết nối Quốc lộ 19 với đường ĐT.636; cập nhật quy hoạch như sau:

+ Tuyến đường kết nối tuyến tránh QL19 với đường ĐT.636 qua cụm công nghiệp Hóc Bơm: Xây mới đoạn qua khu đô thị Phú An; chỉnh trang, mở rộng đoạn ngoài khu đô thị Phú An, lộ giới quy hoạch 30m.

+ Tuyến đường huyện kết nối tuyến tránh QL19 đi xã Tây Bình: Xây mới lộ giới 30m.

+ Tuyến đường huyện phía Đông kết nối Quốc lộ 19 với đường ĐT.636: Xây mới và chỉnh trang, mở rộng đoạn qua khu dân cư hiện trạng, lộ giới quy hoạch 28m.

6.1.2. Các trục giao thông chính khu đô thị Phú An và các tuyến đường giao thông nông thôn khác:

- Quy hoạch các trục chính khu đô thị Phú An quy hoạch lộ giới từ 14 - 28m kết nối với các trục chính xã.

- Hệ thống đường giao thông trong các khu dân cư quy hoạch mới có lộ giới như sau:

+ Đường trục chính khu dân cư có lộ giới 18m - 24m; bố trí đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Đường kết nối khu vực trong khu dân cư có lộ giới 16m - 18m; bố trí đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới từ 12m - 16m; bố trí đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Đường liên xã, liên thôn: Quy hoạch các tuyến đường liên xã, thôn lộ giới từ 14m đến 28m.

**6.2.** Các yếu tố quy hoạch hạ tầng khác (thoát nước mưa, tiêu thoát nước lũ, cấp nước, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang) được thể hiện trong thuyết minh và bản vẽ quy hoạch kèm theo.

## 7. Bảng tổng hợp quy hoạch cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch (toàn bộ ranh giới hành chính của xã Bình Tường) là 4.953,28 ha; đất đai được bố trí cụ thể như sau:

Stt	Thành phần đất	Quy hoạch NTM đã phê duyệt		Hiện trạng năm 2022		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>4.950,00</b>	<b>100,00</b>	<b>4.953,28</b>	<b>100,00</b>	<b>4.953,28</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>3.754,68</b>	<b>75,85</b>	<b>4.155,80</b>	<b>83,90</b>	<b>3.175,00</b>	<b>64,10</b>
<b>1</b>	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>1.363,98</b>	<b>27,56</b>	<b>1.762,41</b>	<b>35,58</b>	<b>814,50</b>	<b>16,44</b>
1.1	Đất trồng lúa	723,30	14,61	819,90	16,55	496,00	10,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	461,40	9,32	563,22	11,37	183,20	3,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	179,28	3,62	379,29	7,66	135,30	2,73
<b>2.</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>2.390,70</b>	<b>48,30</b>	<b>2.372,44</b>	<b>47,90</b>	<b>2.302,20</b>	<b>46,48</b>
2.1	Đất rừng sản xuất	1.673,60	33,81	2.112,54	42,65	2.019,00	40,76
2.2	Đất rừng phòng hộ	717,10	14,49	259,90	5,25	283,20	5,72
<b>3.</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20,95</b>	<b>0,42</b>	<b>58,30</b>	<b>1,18</b>
<b>II</b>	<b>ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP</b>	<b>1.195,32</b>	<b>24,15</b>	<b>744,71</b>	<b>15,03</b>	<b>1.778,28</b>	<b>35,90</b>
<b>1.</b>	<b>Đất ở</b>	<b>95,75</b>	<b>1,93</b>	<b>98,17</b>	<b>1,98</b>	<b>490,10</b>	<b>9,89</b>
1.1	Đất ở nông thôn (bao gồm đất vườn thửa và giao thông nội bộ)	95,75	1,93	98,17	1,98	247,40	4,99
1.2	Đất ở đô thị (bao gồm đất giao thông nội bộ)	-	-	-	-	242,70	4,90
<b>2.</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>819,59</b>	<b>16,56</b>	<b>423,56</b>	<b>8,55</b>	<b>1.002,34</b>	<b>20,24</b>
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	5,49	0,11	14,33	0,29	3,87	0,08
2.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	1,17	0,02
2.3	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	313,30	6,33	-	-	387,75	7,83

2.4	Đất thương mại dịch vụ	-	-	-	-	5,73	0,12
2.5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	79,10	1,60	124,58	2,52	268,34	5,42
2.6	Đất di tích, danh thắng	0,71	0,01			1,23	0,02
2.7	Đất phát triển hạ tầng (sử dụng vào mục đích công cộng)	420,99	8,50	284,65	5,75	334,25	6,75
3.	<b>Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>2,06</b>	<b>0,04</b>	<b>2,39</b>	<b>0,05</b>	<b>2,39</b>	<b>0,05</b>
4.	<b>Đất nghĩa trang</b>	<b>48,32</b>	<b>0,98</b>	<b>49,79</b>	<b>1,01</b>	<b>21,82</b>	<b>0,47</b>
5.	<b>Đất có mặt nước chuyên dùng</b>	<b>4,36</b>	<b>0,09</b>	<b>7,01</b>	<b>0,14</b>	<b>46,67</b>	<b>0,96</b>
6.	<b>Đất sông, suối, kênh, mương</b>	<b>225,24</b>	<b>4,55</b>	<b>163,79</b>	<b>3,31</b>	<b>214,96</b>	<b>4,33</b>
III	<b>ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG</b>	-	-	<b>52,77</b>	<b>1,07</b>	-	-

### 8. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tây Sơn.
- Đại diện Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Bình Nghi.
- Đơn vị lập Thiết kế quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Phương Việt Quy Nhơn.

Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn kính gửi Sở Xây dựng tỉnh xem xét cho ý kiến về đề án quy hoạch trên để làm cơ sở phê duyệt đề án./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT huyện;
- UBND xã Bình Nghi;
- CVP, C1;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Khánh**